



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Ngày 30/09/2024	15,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.4%	7.1%	12.3%

DT thuần Q3/24
29.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.70 6.1%
YoY: ▲ 5.50 23.2%

LN thuần Q3/24
1.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.99 -36.9%
YoY: ▲ 0.06 4.0%

LN sau thuế Q3/24
1.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.71 -34.6%
YoY: ▲ 0.05 4.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24
5.8%
YoY: +/- ▼ 3.8%

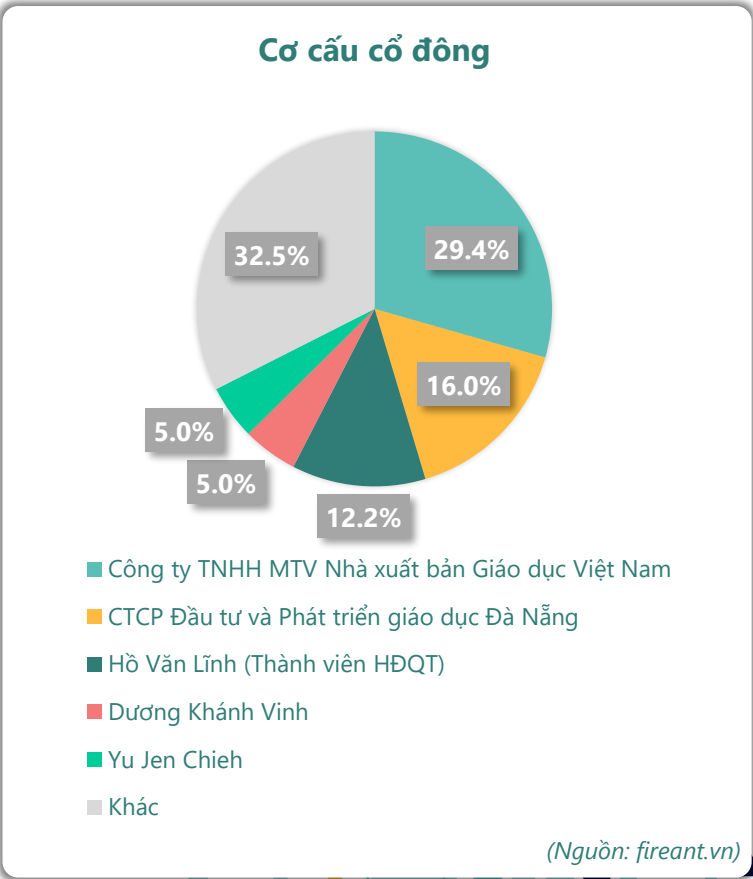
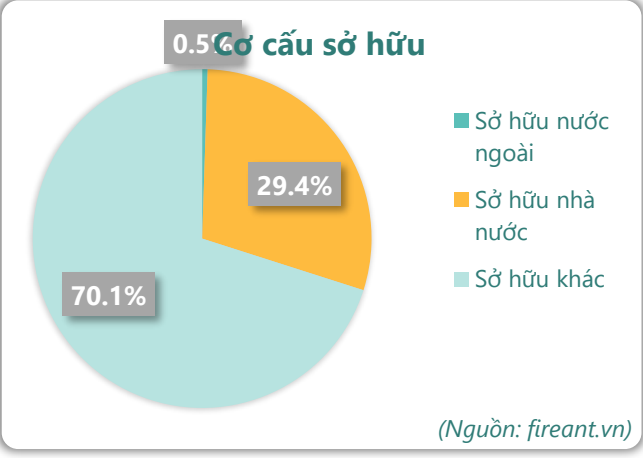
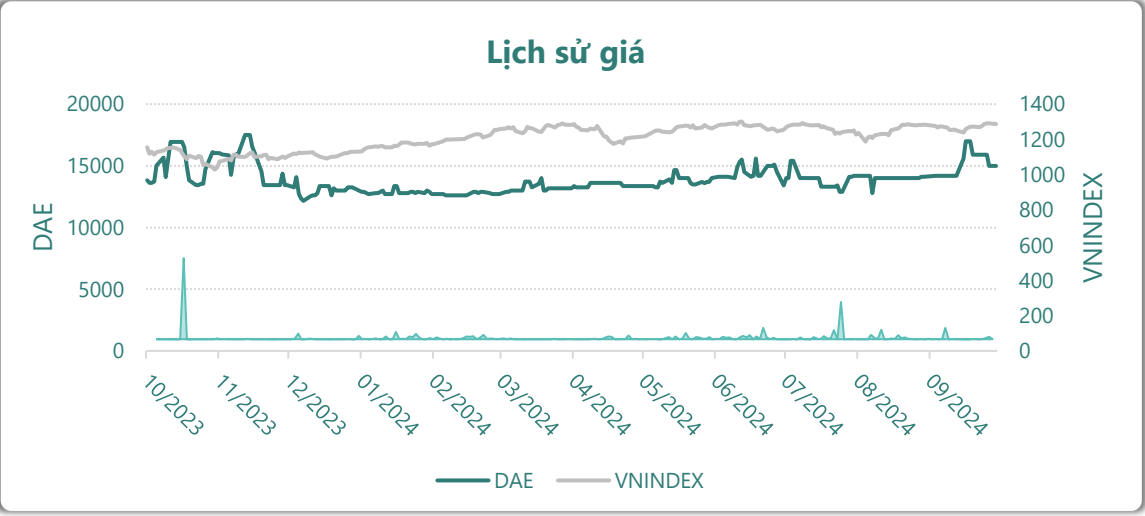
ROE (TTM) Q3/24
7.6%
YoY: +/- ▼ 0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,158 - 17,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29
Số lượng CPLH (CP)	1,925,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,943
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.31
EPS	1,665
P/E	9.0

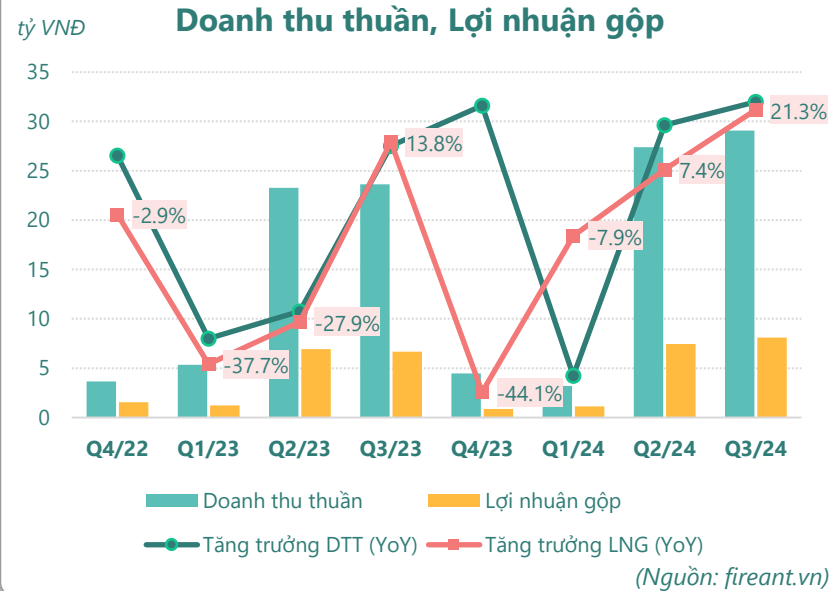
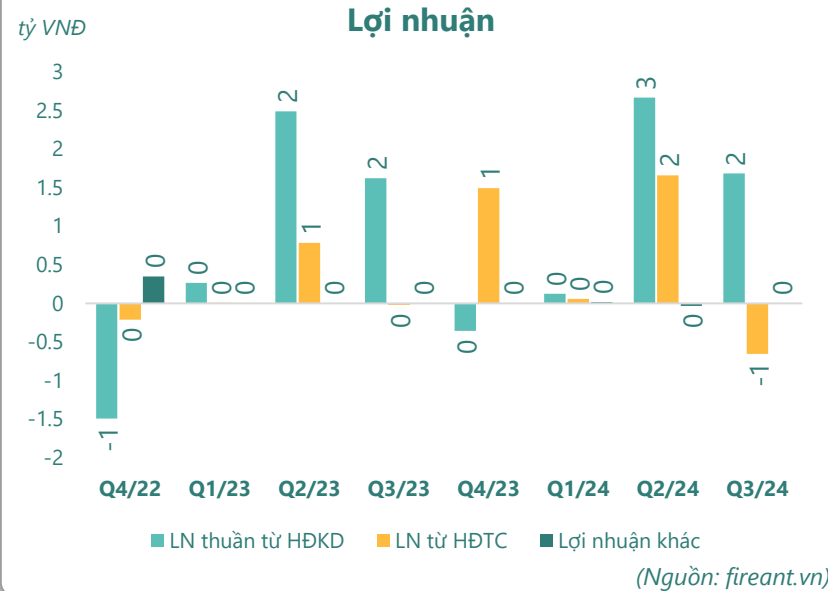
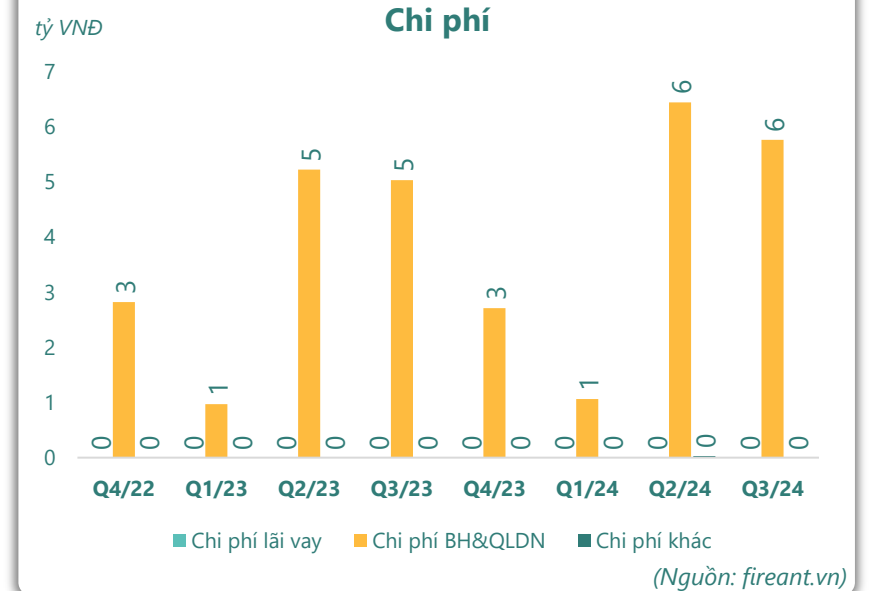
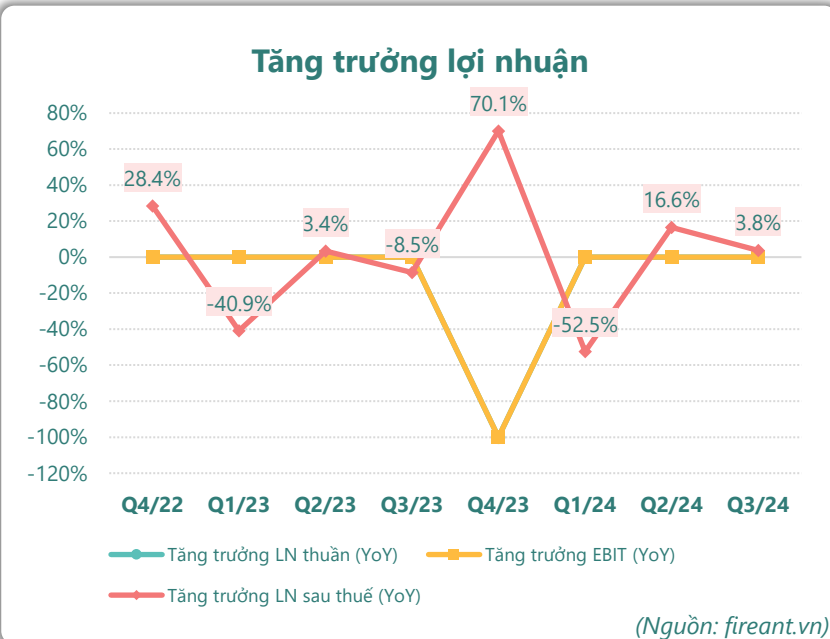
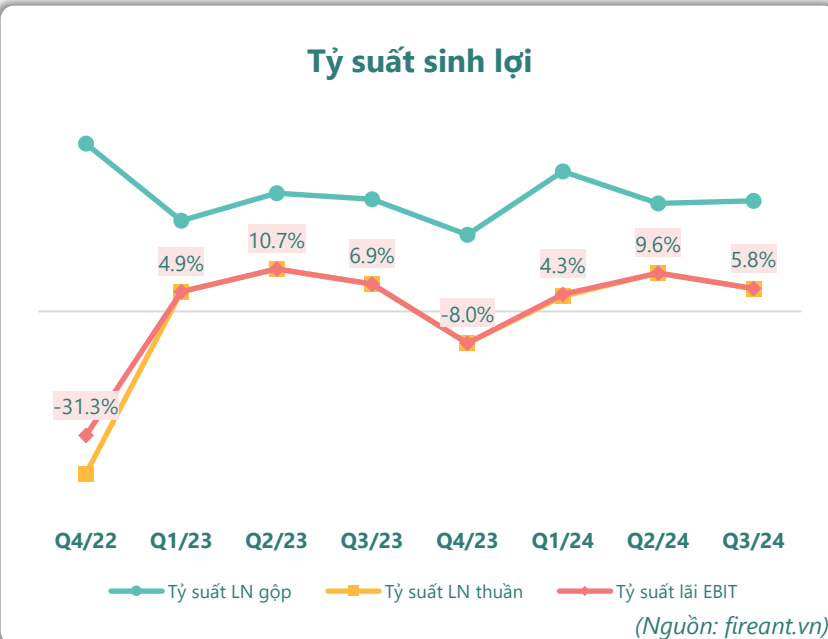
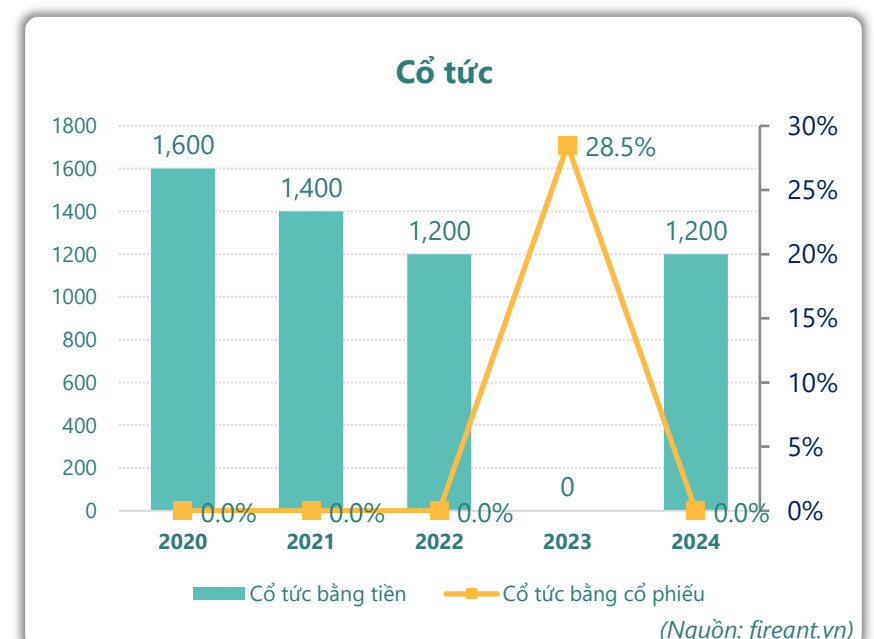
DT thuần 9T 2024
59.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.50 14.2%

LN thuần 9T 2024
4.48
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.10 2.2%

LN sau thuế 9T 2024
3.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.02 0.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH

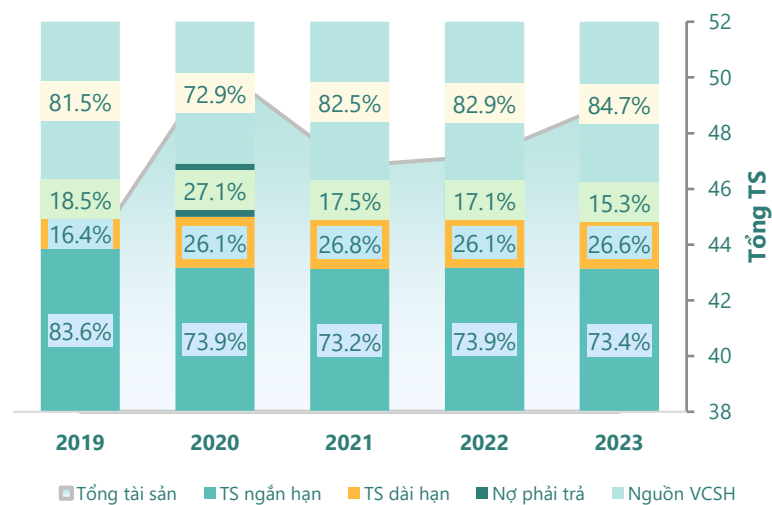




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

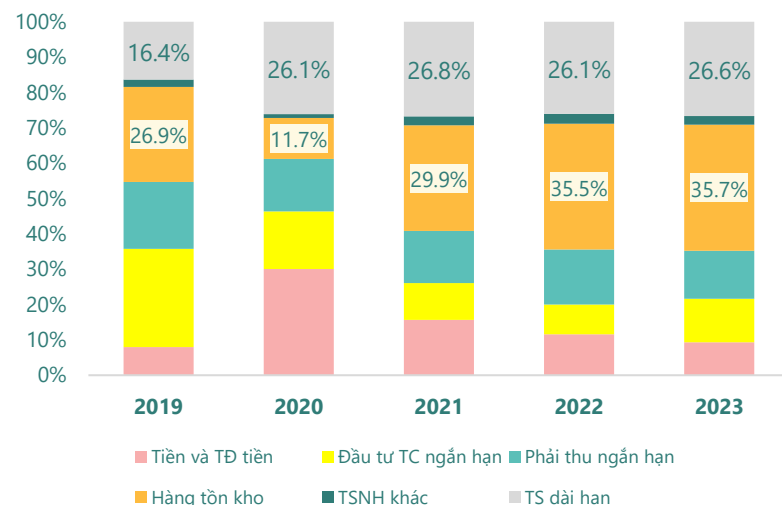
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

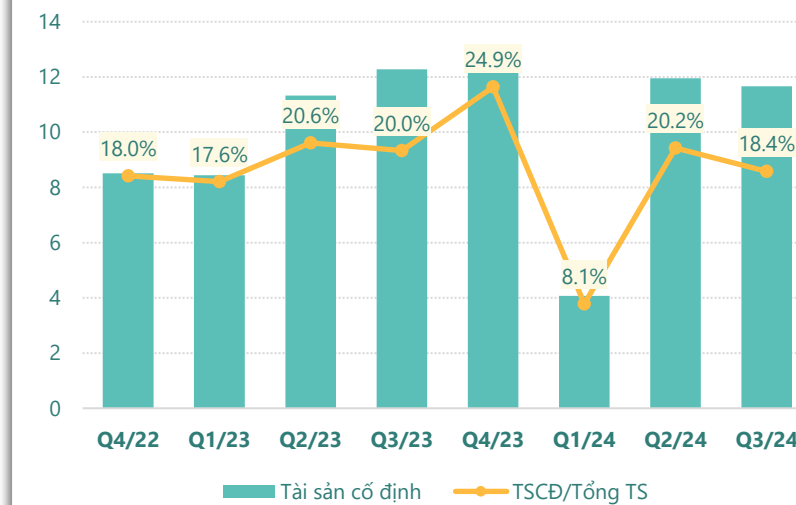
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

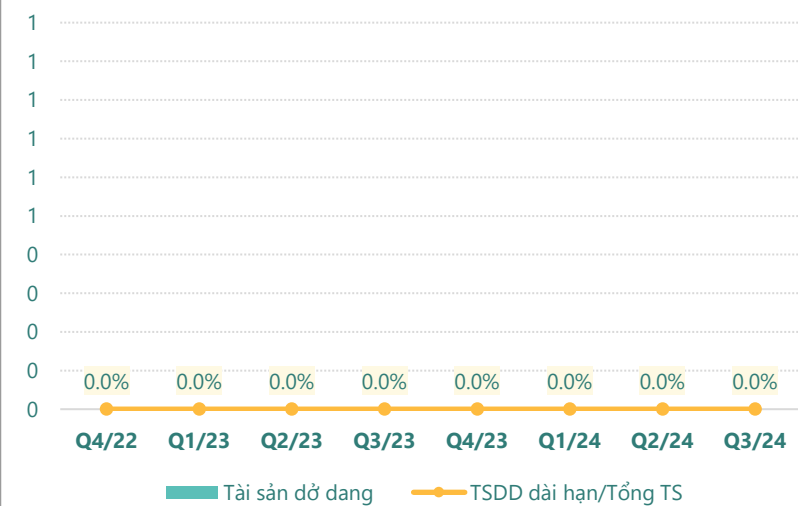
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

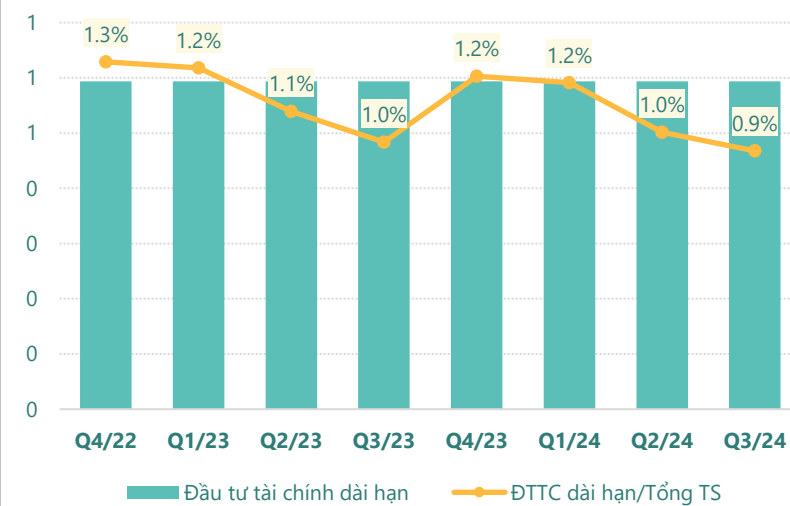
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

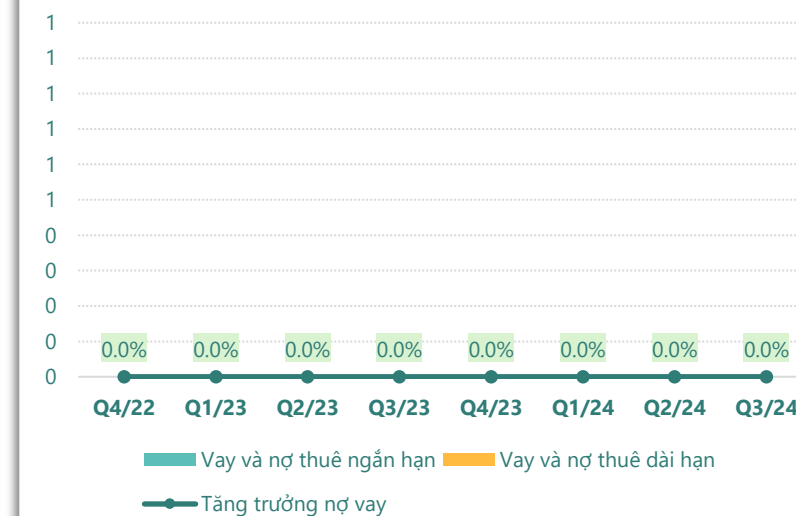
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

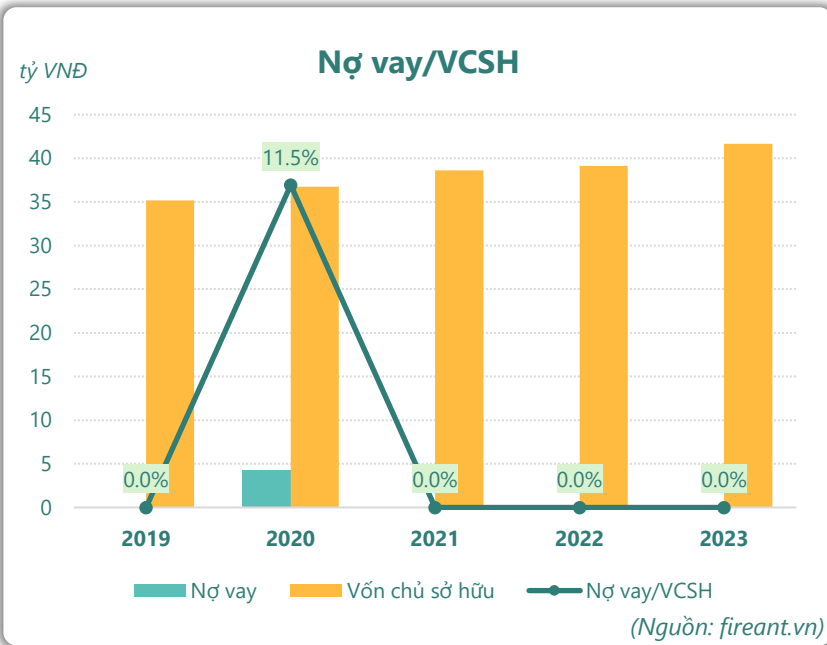
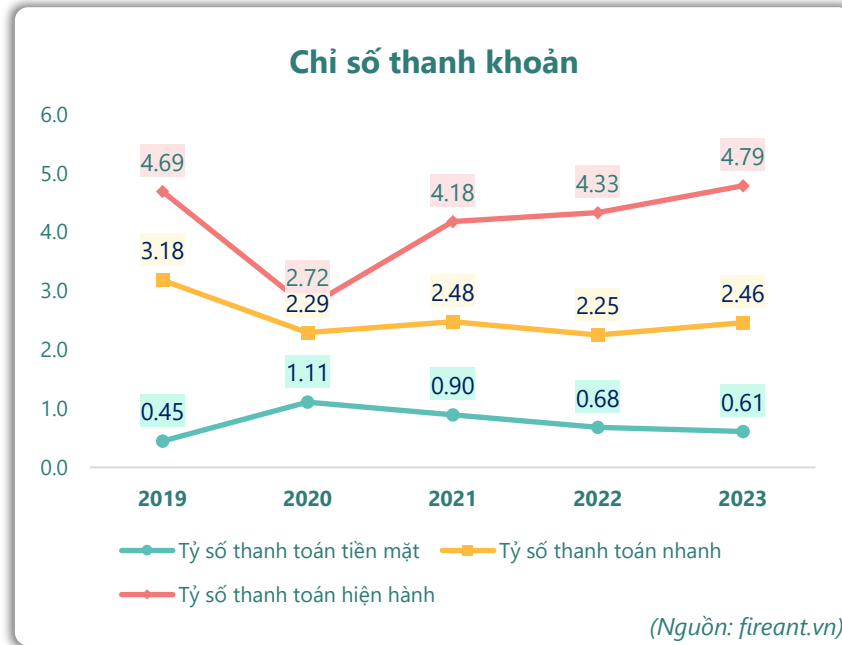
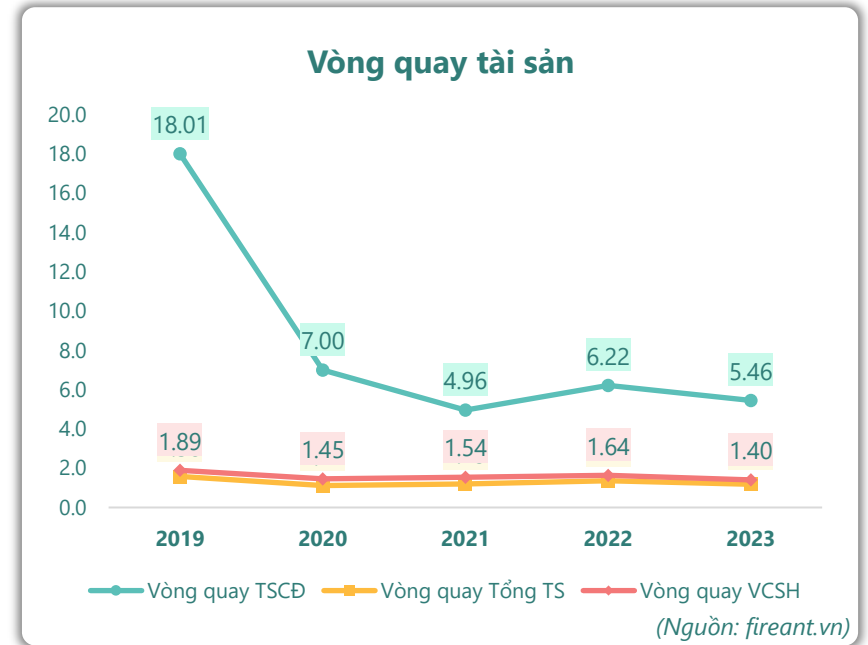
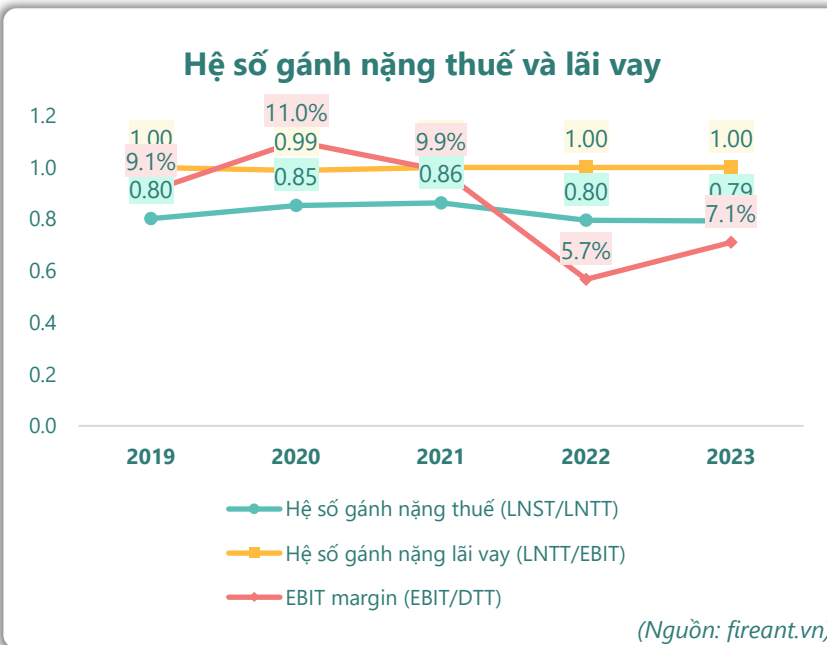
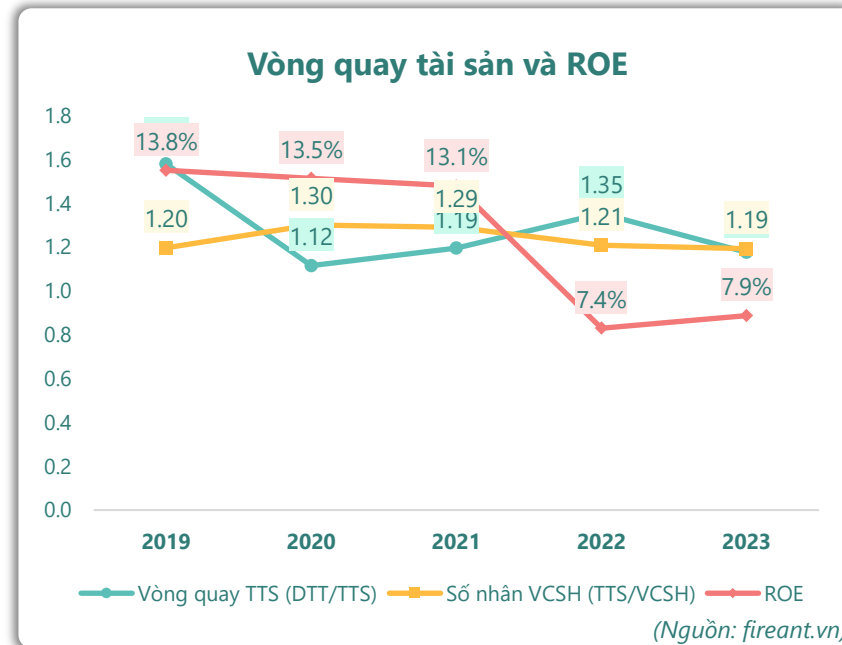
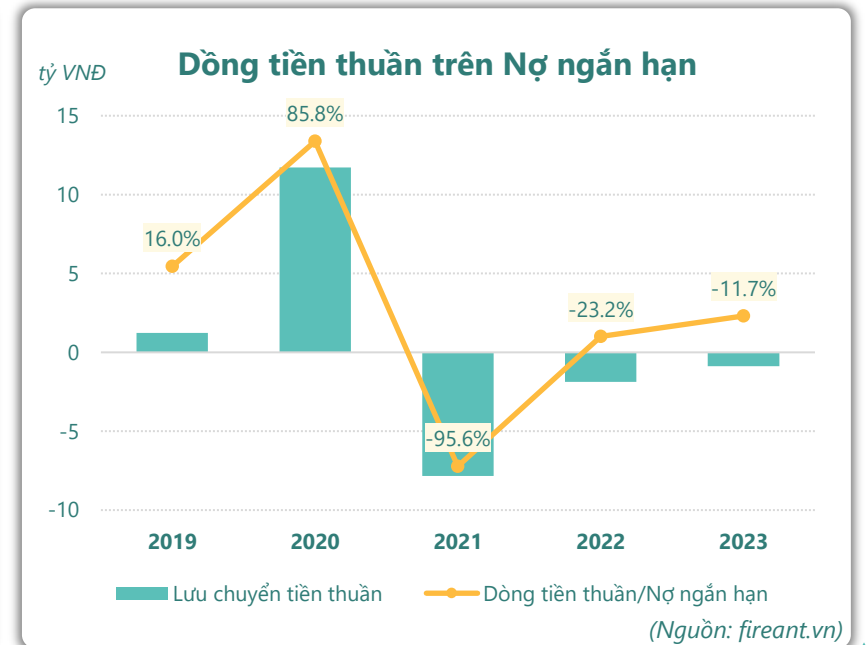
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	29.1	23.6	23.2%	59.7	52.2	14.2%
Giá vốn hàng bán	21.0	16.9	24.1%	43.0	37.4	14.9%
Lợi nhuận gộp	8.11	6.68	21.3%	16.7	14.8	12.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.12	0.16	-22.4%
Chi phí TC	0.65	0.02	3174%	-0.94	-0.61	-53.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.51	2.10	19.3%	5.85	4.95	18.3%
Chi phí QLDN	3.26	2.94	10.9%	7.43	6.29	18.0%
LN thuần từ HĐKD	1.68	1.62	4.0%	4.48	4.38	2.2%
Lợi nhuận khác	0	0.00		-0.02	0	
LN trước thuế	1.68	1.62	4.0%	4.46	4.38	1.9%
Lợi nhuận sau thuế	1.34	1.29	4.0%	3.50	3.48	0.4%
LNST của CĐ cty mẹ	1.34	1.29	4.0%	3.50	3.48	0.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.94	4.23	-3.54	-3.77	1.62	6.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.15	-0.12	-1.92	0.04	2.06	-1.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-0.01	0	-2.31	0
Tiền đầu kỳ	0.86	5.95	10.1	4.59	0.86	2.23
Lưu chuyển tiền thuần	5.09	4.11	-5.46	-3.73	1.37	4.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.95	10.1	4.59	0.86	2.23	6.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	63.4	49.2	28.9%
Tài sản ngắn hạn	51.1	36.1	41.6%
Tiền và tương đương tiền	6.40	4.59	39.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.77	6.07	11.7%
Phải thu ngắn hạn	21.0	6.68	214%
Hàng tồn kho	16.0	17.6	-8.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.98	1.21	-18.9%
Tài sản dài hạn	12.3	13.1	-6.2%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	11.7	12.3	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.59	0.59	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.22	-94.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	21.3	7.55	182%
Nợ ngắn hạn	21.3	7.54	182%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	2.49	385%
Nợ dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	42.2	41.7	1.2%
Vốn chủ sở hữu	42.2	41.7	1.2%
Vốn điều lệ	19.3	19.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

